

THƠ MATSUO BASHŌ TRONG "LỐI LÊN MIỀN OKU" QUA BẢN DỊCH CỦA VĨNH SÍNH

VŨ THỊ THU NGUYỆT*

Niềm yêu thích thơ Haiku của Nhật Bản đến với tôi một cách khá tình cờ. Trên một chuyến xe đi du lịch dọc theo chiều dài đất nước tôi có một người bạn đồng hành là Yoshio. Anh thông minh và vui tính. Chúng tôi nói chuyện về nhiều điều, nhất là về Nhật Bản và Việt Nam. Tất nhiên những câu hỏi của tôi là về Nhật Bản và của anh là về Việt Nam.

Bằng đi một thời gian, tôi nhận được một lá thư từ Nagoya. Đoạn cuối thư có viết về một cuộc thi Haiku quốc tế sắp được tổ chức kèm một số bài thơ được giải lần thi trước. Yoshio động viên tôi tham dự.

Và hôm nay, trước mặt tôi là cuốn *Lối lên miền Oku* của Matsuo Bashō. Cuốn sách là một tác phẩm để đời của Matsuo Bashō. Theo lời giới thiệu của Vĩnh Sính ngay đầu sách, "Trong những vì sao lấp lánh trên nền trời của thi đàn Nhật Bản, có lẽ Matsuo Bashō (Tùng Vĩ Ba Tiêu, 1644 - 1694) là ngôi sao được nhiều người Nhật Bản cũng như người nước ngoài hâm mộ và biết đến nhiều nhất"⁽¹⁾.

Trong bài báo này chúng tôi chỉ dừng ở chỗ đưa ra một số ý kiến về cách dịch, giới thiệu và chú thích thơ Bashō của giáo sư Vĩnh Sính, Đại học Alberta, Canada.

Bashō sinh ngày 16 tháng 12 năm 1644 trong một gia đình võ sĩ (samurai) cấp dưới. Quê hương là thành Ueno thuộc Iga, nay là Mie. Khi mới sinh, ông được đặt tên là Kinsaku và khi lớn lên là Munetsusa.

Khi mười chín tuổi, Bashō được tuyển làm gia nhân, giúp việc nhà và làm bạn đèn sách với Todo Yoshitada lúc ấy mười bảy tuổi. Cả hai đều yêu thích thơ Haiku (bài hài). Đây là thú tiêu khiển tao nhã thời bấy giờ. Kitamura Kigin, một nhà thơ và nhà bình luận nổi tiếng, đã đui dắt cả Yoshitada và Bashō. Sau khi Yoshitada mất lúc mới 25 tuổi, thì Bashō đã đi lang bạt trong khoảng 6 năm. Ông lên Edo vào năm 1672 và đã thu nhận được nhiều môn đệ yêu thơ mình. Bài thơ sau đây được ghi nhận là mốc đánh dấu sự phát triển của lịch sử thơ haiku nói chung.

<i>Kare eda ni</i>	(Trên cành khô
<i>Karasu no torarikeri</i>	Chim quạ đậu
<i>Aki no kure</i>	Chiều tàn Mùa thu)

Và Vĩnh Sính đã dịch thành thơ là:

*Cành khô quạ đậu chiều tà
Thời gian thấm thoát thu đà về đây.*

Theo thống kê của chúng tôi, giáo sư Vĩnh Sính đã dịch, giới thiệu và chú giải tổng cộng khoảng 73 bài thơ của Bashō trên 118 trang sách in của cuốn *Lối lên miền Oku*. Có thể nói là một sự công phu hiếm có của một học giả tài ba và yêu thơ Bashō hết mực. Chúng ta có thể thấy Vĩnh Sính đã trăn trở rất nhiều khi tìm cách dịch tên cuốn sách này.

* Khoa Đông Phương học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

⁽¹⁾ Matsuo Bashō, *Lối lên miền Oku*, Vĩnh Sính dịch, giới thiệu và chú thích, Nxb Thế giới, Hà Nội 1999; tr.3.

Ngay việc dịch đầu đề của tác phẩm như thế nào cho sát và vừa tai cũng đã khá thử thách. Oku hay Michinoku là tên gọi chung những tỉnh miền Bắc của đảo Honshu, ngày nay gọi là Tôhoku (Đông Bắc). Ngoài ra, Oku (viết chữ Hán là áo, còn đọc là úc), còn có nghĩa là bên trong hay nơi sâu kín; và hosomichi là con đường nhỏ. Vậy phải dịch thế nào đây?⁽²⁾

Trước đây, Vĩnh Sinh dịch là “Con đường nhỏ lên miền Bắc” và ông cho rằng tuy nghe như thế là tam được nhưng vẫn còn hơi luộm thuộm. Ông đã dùng lối thay cho con đường nhỏ và dùng từ lên để chỉ khái niệm Oku là vùng đất ở miền Bắc. Cuối cùng ông cũng khá tâm đắc với cách dịch “*Lối lên miền Oku*”. Cách này nghe “sát sao và thi vị hơn”.

Như chúng ta đều biết, dịch thơ là một công việc khó khăn và vất vả đến nhường nào. Có những bài thơ mà dịch giả đồng thời là tác giả thứ hai của bài thơ. Nhờ tài năng, sự đồng điệu của tâm hồn, sự đồng cảm sâu sắc đối với tác phẩm đến độ bài thơ dịch cũng hay và nổi tiếng không kém bài thơ gốc. Đó là trường hợp Thuý Toàn dịch bài *Anh yêu em đến nay chừng có thể* - thơ của Puskin hay Tố Hữu dịch bài thơ *Em ơi đợi anh về* của Simonop.

Bây giờ chúng ta sẽ theo bước chân Bashô đi khắp nẻo để cùng Vĩnh Sinh thưởng thức cái thâm trầm, sâu lắng, cô động và hàm súc của những câu thơ.

Bài thơ khai bút cho cuộc hành trình ba ngàn dặm theo cách thậm xưng quen thuộc của văn học Trung Quốc, mà thực tế là khoảng 900 km đã được khởi đầu vào tảng sáng ngày 27 tháng 3 năm 1689 được Bashô viết như sau:

*Yuku haru ya
Tori naki ou no
Me wa namida*

Dịch

Một mùa xuân lại sắp qua

⁽²⁾ Sách đã dẫn, tr. 21.

Chim muông sâu khóc cá nhòu đôi mi

Đây không phải là một lũ thú vui vẻ, nhẹ chân sáo giang hồ, mà một tâm hồn ưu tư, một đôi mắt đắm lệ phân ly khi rời xa chốn cũ, hướng tới chân trời xa. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ (Nguyễn Du). Bashô mượn chim, mượn cá, mượn cả mùa xuân nói hộ lòng mình. Thông thường mùa xuân biểu trưng cho những gì tươi rói, mới mẻ, đầy sức sống nhưng mùa xuân đang đi qua khiến cho người cô lữ không ngăn được dòng lệ tiếc có cả sự ngân nga, nhịp nhàng của loại thơ này. Tuy nó có thể đánh mất đi sự ngắt nhịp - Cấu tạo nên dấu lặng giữa không trung, khiến tình cảm trở nên càng sâu lắng thì kéo lại lục bát khiến cho độc giả Việt Nam gần gũi và dễ nhớ, dễ hiểu thơ Bashô hơn⁽³⁾.

Bashô trên đường đi của mình đã lên lễ trên núi Futarasan, sau này có tên là núi Nikko (Nhật Quang). Tên này do Không Hải Đại Sư - (Kukai Daishi) đặt cho. Ngưỡng mộ Không Hải Đại sư, Bashô đã đề những dòng sau:

<i>Ara toto</i>	(Đáng kính nề làm sao!
<i>Aoha wakaba no</i>	Trên chòm lá xanh non
<i>Hi no hikari</i>	Ánh sáng mặt trời)

Dịch:

Người xưa đáng kính làm sao

Lung linh ánh nắng lọt vào rừng sâu.

Lời dịch thơ bài thơ này của Vĩnh Sinh khác đôi chút với câu chữ của thơ Bashô. Tuy nhiên, câu mở đầu lại rõ ràng hơn câu gốc khiến người đọc dù chưa biết bối cảnh, gốc tích của bài thơ cũng hiểu được ý tứ của tác giả. Khi so giữa ánh sáng mặt trời trên chòm lá xanh non với lung linh ánh nắng lọt vào rừng sâu có lẽ cần phải bàn đôi chút. Ưu điểm của Vĩnh Sinh là vẫn chuyển được thơ Bashô sang thể lục bát của Việt Nam, song vì vần điệu nên hình ảnh gốc là ánh sáng mặt trời trên lá xanh non đã phải chuyển thành ánh nắng lọt vào rừng sâu. Vì vậy, bản dịch có làm sai lệch

⁽³⁾ Sđd, Tr.21.

ý tứ của bài thơ Bashô. Ông cảm kích Đại sư, một con người có ơn đức tràn đầy khắp nẻo, tứ dân an cư lạc nghiệp thì thơ dịch lại mang lại cảm giác tứ dân đang khốn cùng khổ sở, được chút ánh sáng ơn đức của đại sư chiếu tới như ánh chớp giữa đêm giông.

Hành trình để đến Oku dài theo năm tháng. “Nhân sinh theo quan niệm của Bashô là một chuyến lữ hành... Trên thực tế hơn nửa khoảng thời gian 10 năm cuối cùng của đời mình, Bashô đã sống trên bước lữ hành và cũng trút hơi thở cuối cùng nơi lữ thứ”⁽⁴⁾. Hành trình cùng trời đất núi non, gặp gỡ với người xưa và người nay, lúc nào tâm hồn ông cũng mở rộng. Với một người kéo ngựa, một người phu bình thường nhưng có tâm hồn phong lưu tao nhã, Bashô cũng cảm động tặng thơ:

No o goko ni (Đi qua cánh đồng
Uma hikiyoke yo kéo ngựa đến
Hototogisu (để nghe) chim quốc)

Dịch thơ:

*Hai ta đang vượt qua đồng
 Cuộc kêu dấy nhĩ ta cùng lắng nghe.*

Lời dịch thơ có cả lời nhắn nhủ, cả đại từ nhân xưng “ta”. Quả thật, người dịch cũng thấy rõ sự đồng điệu của hai tâm hồn thơ, cảm thấy được tiếng tơ lòng rung lên trước tiếng chim quốc của hai người đồng hành mà dịch thành câu lục bát đi vào lòng người.

Để kết lại bài viết nhỏ này chúng tôi muốn nhắc đến nguồn gốc bút danh của Bashô. Đương thời khi đang nổi tiếng, nhà thơ đột nhiên lui về ở ẩn tại một túp lều tranh ở Fukawaga bên bờ sông Sumida. Đây là một vùng đất của Edo khi ấy còn rất hoang vu. Bên cạnh túp lều có cụm chuối - ba tiêu, theo Hán ngữ, do chính ông trồng. Đây là một loại cây hiếm ở Nhật nên mọi người gọi nơi ẩn cư của ông là Bashô - am, nghĩa là Am Ba Tiêu và chủ nhân có bút danh Bashô sensei - Ba Tiêu Tiên Sinh. Theo ông, những tàu lá chuối thật nhạy

cảm trước gió mưa, giống như nhà thơ luôn rộng mở lòng mình, luôn rung động sâu sắc trước những đổi thay của cảnh vật, đất trời; ông luôn sẽ chia vui buồn với những người khác dù chỉ tình cờ gặp gỡ trên bước đường lữ thứ như chúng ta được chứng kiến trên suốt hành trình lên miền Oku.

Qua những bài Haiku nhỏ xinh mà sâu sắc chỉ thu gọn trong 17 âm tiết của Bashô, những nét độc đáo của loại thơ này được thể hiện sắc nét và càng rõ ràng hơn với từng câu chữ, trang sách chú giải tỉ mỉ, cẩn thận của Vĩnh Sinh. Ông cho rằng cách dịch Haiku của Bashô thành lục bát là một cách làm khả dĩ nhất trong nhiều cách khác nhau vì theo ông, thơ lục bát có cung bậc gần nhất với thơ Haiku, nếu ba dòng thơ Haiku với 17 âm tiết là thể thơ độc lập có động nhất trong thi ca Nhật Bản thì hai dòng lục bát truyền cảm, đầy tình tự và sắc thái dân tộc là thể loại thơ ngắn gọn nhất trong thơ ca Việt Nam truyền thống⁽⁵⁾. Vĩnh Sinh đã thổi vào thơ Haiku một lần đóng góp để được coi là tác giả thứ hai của cùng một bài thơ của Bashô.

Đối với nhiều người chỉ biết đôi chữ tiếng Nhật như tôi, việc cảm thụ hồn thơ Nhật, văn hoá Nhật, cách tư duy và rung cảm Nhật Bản qua những bài thơ dịch ý và dịch thơ quả thực là một trong những lối tiếp cận bổ ích và thú vị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Matsuo Bashô, *Lối lên miền Oku*, Vĩnh Sinh dịch, giới thiệu và chú thích, Nxb. Thế Giới, Hà Nội, 1999.
2. *Haiku Magazin in English*, 1-36-7 Ishida cho, Mizuho-ku, Nagoya, Japan 467, 1992.
3. H.H.Honda, *The Poetry of Ishikawa Takuboku*, The Hokuseido Press, Tokyo, 1959.
4. *An English Dictionary of Japanese Ways of Thinking*, Yuhikaku Publishing Co.LTD, Japan, 1989.

⁽⁴⁾ Sđ d, tr. 12.

⁽⁵⁾ Sđd, tr. 23.